

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2025

V/v: “tranh chấp ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ - TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Thanh Vũ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Khắc Chương

2. Bà Nguyễn Thị N

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Văn Tấn – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: ông Phạm Văn Bảng – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 48/2025/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2025 về việc “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: bà Lê Thị N, sinh năm 2002; địa chỉ: 431 thôn HT 2, xã TB, huyện DL, tỉnh Lâm Đồng.

- Bị đơn: ông Phạm Văn H, sinh năm 2001; địa chỉ: 268 thôn PB, xã Phú Hội, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(Bà N có mặt, ông H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: bà và ông H kết hôn vào năm 2021, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Phú Hội, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng; không tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, chồng không đi làm, không nuôi con, không chu cấp nuôi

con. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024 đến nay. Nay, bà xác định tình cảm không còn nên yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn H;

Về con chung: vợ chồng bà có 02 con chung: Phạm Hồng Gia B, sinh ngày 31/3/2021 và Phạm Yến N, sinh ngày 31/01/2023; hiện các con chung đang sống với bà. Khi giải quyết ly hôn thì bà yêu cầu được nuôi 02 con chung, bà không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: ông Phạm Văn H vắng mặt và đã được Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục hợp lệ nH ông H vắng mặt trong các buổi làm việc; không có văn bản trình bày ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ gì.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nH ông Phạm Văn H vắng mặt nên không hòa giải được.

Tại phiên toà: nguyên đơn bà Lê Thị N giữ nguyên yêu cầu ly hôn ông Phạm Văn H; về con chung: bà N yêu cầu được nuôi 02 con chung và không yêu cầu ông Phạm Văn H cấp dưỡng nuôi con chung; về tài sản chung và nợ chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng phát biểu: việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đương sự đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và đề nghị: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N; bà Lê Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn H; về con chung: giao cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là cháu Phạm Hồng Gia B, sinh ngày 31/3/2021 và Phạm Yến N, sinh ngày 31/01/2023 cho đến ngày con chung thành niên. Ông Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* đây là vụ án “tranh chấp ly hôn” giữa nguyên đơn bà Lê Thị N và bị đơn ông Phạm Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Ông Phạm Văn H vắng mặt tại phiên tòa mặc dù đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên cần căn cứ

Điều 227; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo thủ tục chung.

[2] *Về quan hệ hôn nhân:* bà Lê Thị N và ông Phạm Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Quá trình ông bà chung sống thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn theo bà N trình bày mâu thuẫn do không có tiếng nói chung, chồng không đi làm, không nuôi con, không chu cấp nuôi con. Vợ chồng sống ly thân với nhau từ đầu năm 2024 đến nay. Nay, bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Phạm Văn H. Còn ông H không trình bày gì; Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nH ông Phạm Văn H vắng mặt nên không hòa giải được. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa bà Lê Thị N và ông Phạm Văn H đã trầm trọng và kéo dài, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu của bà Lê Thị N về việc yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn H theo quy định tại khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* bà Lê Thị N và ông Phạm Văn H có 02 con chung tên là Phạm Hồng Gia B, sinh ngày 31/3/2021 và Phạm Yến N, sinh ngày 31/01/2023. Hiện các cháu đang sống với bà N. Bà N trình bày hiện nay cuộc sống của bà và các con đang ổn định, đảm B lo cho 02 con, bà yêu cầu được quyền tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục các con chung cho đến ngày con thành niên. Xét thấy, hiện nay các cháu đang có cuộc sống ổn định và hiện nay các cháu còn nhỏ, cần có sự chăm sóc trực tiếp của mẹ và bà N cũng có công việc thu nhập ổn định. Do đó, để đảm B cho các cháu có cuộc sống ổn định cũng như điều kiện để các cháu phát triển về mọi mặt nên giao các cháu Phạm Hồng Gia B, sinh ngày 31/3/2021 và Phạm Yến N, sinh ngày 31/01/2023 cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp theo quy định tại các Điều 68, 69, 71, 72 và Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà N không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung nên không buộc ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] *Về tài sản chung và nợ chung:* bà Lê Thị N và ông Phạm Văn H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Đối với ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ.

[6] *Về án phí:* bà Lê Thị N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, các Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, 220, 227, 228, 264, 266, 267 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị N; bà Lê Thị N được ly hôn với ông Phạm Văn H.

2. Về con chung: giao cho bà Lê Thị N trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Hồng Gia B, sinh ngày 31/3/2021 và Phạm Yến N, sinh ngày 31/01/2023 cho đến ngày các con chung thành niên hoặc đến khi có sự thay đổi theo quy định pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: ông Phạm Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng, quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con, quyền yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: buộc bà Lê Thị N phải chịu 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo phiếu thu số 0000480 ngày 07/02/2025 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ; bà Lê Thị N đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình.

4. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn bà Lê Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (30/5/2025); bị đơn ông Phạm Văn H vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện

theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- UBND xã Phú Hội;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vũ

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

K' Bửu Triệu Thị Hằng

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đ;
- Chi cục THA DS huyện Đ;
- UBND xã Tân Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Lê Thị Thanh Vũ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thanh Vũ